

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BGDDĐT-GDPT
V/v góp ý dự thảo Thông tư quy định về quản lý
và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục
phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: Các sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội; Kế hoạch số 659/KH-BGDĐT ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Thông tư quy định về quản lý và sử dụng Học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, sau đây gọi tắt là Dự thảo thông tư.

Để Thông tư sau khi ban hành được triển khai thuận lợi, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo:

1. Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên tổ chức nghiên cứu, góp ý đối với Dự thảo thông tư và tổng hợp đầy đủ ý kiến góp ý.

2. Nghiên cứu, góp ý bằng văn bản đối với Dự thảo thông tư theo đề cương gửi kèm.

3. Văn bản góp ý của Sở GDĐT xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Vụ Giáo dục Phổ thông, số 35 Đại Cồ Việt, phường Bạch Mai, Hà Nội trước ngày 8/5/2026; đồng thời gửi bản mềm qua địa chỉ Email: hvthang@moet.edu.vn

Chi tiết xin liên hệ Ông Hồ Vĩnh Thắng, Vụ GDPT, ĐT: 091 208 2255.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng TTr Phạm Ngọc Thuồng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDPT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Thái Văn Tài

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG

BÁO CÁO

Góp ý dự thảo Thông tư quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

I. NỘI DUNG GÓP Ý

1. Góp ý chung về cấu trúc

2. Góp ý cụ thể từng Điều (Các ý kiến góp ý cần ghi rõ căn cứ, lí do; những Điều không góp ý cần ghi rõ **Đồng ý**)

Điều/khoản	Nội dung Dự thảo	Đề nghị sửa thành	Căn cứ, lí do góp ý

II. ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

.....

DỰ THẢO 1

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Luật Giáo dục sửa đổi số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Cục trưởng Cục Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này quy định về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. ✓

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý, xử lý vi phạm HC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Cục GDNN-GDPTX, Vụ GDPT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Ngọc Thương**

QUY ĐỊNH
về quản lý và sử dụng học bạ số trong các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục
thường xuyên

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BGDĐT, ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về quản lý và sử dụng học bạ số của học sinh, học viên (gọi chung là người học) tại các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông (gọi chung là cơ sở giáo dục). Nội dung quy định bao gồm việc tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, quản lý, ký số, phát hành, thu nhận, lưu giữ, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo mật, an toàn dữ liệu và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Học bạ số quy định tại Thông tư này là một thành phần của dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời của người học trong hệ thống giáo dục quốc dân, được tạo lập, quản lý và khai thác theo quy định của pháp luật.

3. Thông tư này quy định nguyên tắc kết nối, đồng bộ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu học bạ số trong mối quan hệ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, nền tảng số giáo dục quốc gia, Cổng Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh quốc gia VNeID và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng học bạ số, bao gồm:

1. Sở Giáo dục và Đào tạo.
2. Các cơ sở giáo dục.
3. Người học và cha mẹ hoặc người giám hộ của người học theo quy định của pháp luật.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tạo lập, quản lý, ký số, phát hành, khai thác, sử dụng, kết nối, chia sẻ, bảo vệ dữ liệu học bạ số.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Học bạ số* là dữ liệu điện tử pháp lý gốc ghi nhận có hệ thống quá trình học tập, kết quả học tập, kết quả rèn luyện, nhận xét, đánh giá và các thông tin liên quan của người học trong quá trình học tập tại cơ sở giáo dục; là một thành phần của dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời của người học.

2. *Dữ liệu học bạ số* là tập hợp các trường thông tin số cấu thành học bạ số, được tạo lập, cập nhật, lưu trữ, quản lý, khai thác và sử dụng theo quy định của pháp luật.

3. *Tạo lập học bạ số* là việc khởi tạo, cập nhật, xác thực và hoàn thiện dữ liệu học bạ số của người học trên hệ thống thông tin hoặc phần mềm quản lý phù hợp với chuẩn dữ liệu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. *Thu nhận dữ liệu học bạ số* là việc tiếp nhận dữ liệu học bạ số từ nguồn dữ liệu hợp pháp, kiểm tra, đối chiếu, xác thực và ghi nhận vào hệ thống dữ liệu theo quy định.

5. *Ký số học bạ số* là việc sử dụng chữ ký số của cá nhân có thẩm quyền và chữ ký số của cơ sở giáo dục để xác nhận tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của học bạ số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

6. *Phát hành học bạ số* là việc cơ sở giáo dục đưa học bạ số đã được ký số vào sử dụng chính thức để phục vụ quản lý, tra cứu, xác thực, khai thác và thực hiện thủ tục hành chính.

7. *Bản điện tử học bạ số* là hình thức thể hiện của học bạ số trên môi trường số, có khả năng hiển thị, truy cập, khai thác và kiểm tra tính hợp lệ theo quy định.

8. *Bản sao điện tử học bạ số* là bản sao được cấp từ hệ thống dữ liệu học bạ số, có chữ ký số của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.

9. *Bản trích xuất điện tử học bạ số* là thông tin hoặc một phần thông tin được trích xuất từ hệ thống học bạ số để phục vụ mục đích quản lý, xác minh, thực hiện thủ tục hành chính hoặc các mục đích hợp pháp khác.

10. *Mã số học bạ số* là mã gắn với học bạ số của người học, được liên kết với mã số hồ sơ học tập suốt đời của người học.

11. *Lưu giữ dữ liệu học bạ số* là việc bảo quản, duy trì, sao lưu và bảo đảm khả năng truy cập, khai thác, xác thực dữ liệu học bạ số trong suốt thời gian theo quy định.

12. *Lưu vết dữ liệu* là việc ghi nhận lịch sử tạo lập, cập nhật, chỉnh sửa, khai thác, chia sẻ, phát hành dữ liệu học bạ số trên hệ thống.

13. *Cơ quan tiếp nhận dữ liệu* là cơ quan, tổ chức được phép khai thác, sử dụng dữ liệu học bạ số để giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc theo sự đồng ý hợp pháp của chủ thể dữ liệu.

Chương II

GIÁ TRỊ PHÁP LÝ CỦA HỌC BẠ SỐ

Điều 4. Giá trị pháp lý của học bạ số

1. Học bạ số là một thành phần dữ liệu gốc của hồ sơ học tập suốt đời, có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật khi đáp ứng đủ điều kiện về dữ liệu, ký số và xác thực.

2. Học bạ số được tạo lập đúng thẩm quyền, đúng quy trình, đúng chuẩn dữ liệu, đầy đủ nội dung theo quy định và được ký số theo Điều 9 của Thông tư này thì có giá trị pháp lý để sử dụng trong hoạt động quản lý giáo dục và đào tạo, thực hiện thủ tục hành chính và các giao dịch hợp pháp có liên quan.

3. Học bạ số có giá trị như học bạ giấy ngay khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Được tạo lập đúng quy định của Thông tư này;
- b) Có đầy đủ, chính xác các nội dung bắt buộc;
- c) Được ký số hợp lệ bởi cá nhân có thẩm quyền và cơ sở giáo dục;
- d) Có thể kiểm tra, xác thực trên hệ thống quản lý học bạ số;
- đ) Hệ thống hoặc cơ quan tiếp nhận có điều kiện khai thác, sử dụng dữ liệu.

4. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận dữ liệu không được yêu cầu người học, cha mẹ hoặc người giám hộ nộp lại học bạ giấy khi học bạ số đã đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Bản điện tử, bản sao điện tử, bản trích xuất điện tử từ hệ thống học bạ số có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư này.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng học bạ số

1. Việc sử dụng học bạ số phải bảo đảm đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng phạm vi khai thác.

2. Dữ liệu học bạ số phải bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời, khách quan, thống nhất và có khả năng kiểm tra, xác thực, truy xuất nguồn gốc.

3. Học bạ số được tạo lập một lần, cập nhật theo quá trình học tập và được sử dụng nhiều lần theo quy định của pháp luật.

4. Việc khai thác, chia sẻ, sử dụng học bạ số chỉ được thực hiện đối với phần dữ liệu cần thiết, phù hợp với mục đích sử dụng và chức năng, nhiệm vụ của chủ thể khai thác.

5. Việc quản lý và sử dụng học bạ số phải bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của người học.

6. Mọi hoạt động tạo lập, cập nhật, chỉnh sửa, phát hành, khai thác và chia sẻ dữ liệu học bạ số phải được lưu vết trên hệ thống.

Chương III

TẠO LẬP VÀ QUẢN LÝ HỌC BẠ SỐ

Điều 6. Tạo lập học bạ số

1. Mỗi người học thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này được tạo lập một học bạ số duy nhất gắn với mã số hồ sơ học tập suốt đời của người học.
2. Học bạ số được tạo lập khi người học nhập học hoặc được tiếp nhận hợp lệ vào cơ sở giáo dục.
3. Việc tạo lập học bạ số được thực hiện trên hệ thống thông tin, phần mềm quản lý hoặc nền tảng số đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư này.
4. Dữ liệu dùng để tạo lập học bạ số phải được kiểm tra, đối chiếu, xác thực từ hồ sơ người học, dữ liệu định danh và dữ liệu quản lý giáo dục của cơ sở giáo dục.
5. Việc cập nhật học bạ số được thực hiện trong suốt quá trình học tập của người học, theo kỳ đánh giá, năm học, cấp học hoặc khi phát sinh thông tin cần ghi nhận theo quy định.
6. Học bạ số của người học chuyển trường, tiếp nhận từ cơ sở giáo dục khác phải được kế thừa, đồng bộ và cập nhật trên cơ sở dữ liệu hiện có, bảo đảm tính liên tục của quá trình học tập.

Điều 7. Nội dung học bạ số

1. Học bạ số gồm các nhóm trường dữ liệu bắt buộc sau đây:
 - a) Nhóm thông tin định danh người học: Họ và tên; Ngày, tháng, năm sinh; Giới tính; Số định danh cá nhân; Mã số hồ sơ học tập suốt đời (mã người học); Dân tộc, quốc tịch, nơi sinh, nơi cư trú theo quy định; Thông tin cha, mẹ hoặc người giám hộ.
 - b) Nhóm thông tin về cơ sở giáo dục: Tên cơ sở giáo dục; Mã cơ sở giáo dục; Mã định danh tổ chức; Cấp học, loại hình giáo dục.
 - c) Nhóm thông tin về kết quả học tập: Môn học, hoạt động giáo dục; Kết quả kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ; Kết quả học tập cuối kỳ, cuối năm học; Kết quả kiểm tra lại, đánh giá lại; rèn luyện trong hè (nếu có).
 - d) Nhóm thông tin về kết quả rèn luyện, nhận xét, đánh giá: Kết quả rèn luyện; Nhận xét của giáo viên; Kết quả đánh giá theo quy định chuyên môn áp dụng đối với từng cấp học.
 - đ) Nhóm thông tin về kết quả học tập toàn diện: Kết quả lên lớp; Hoàn thành chương trình học; Khen thưởng, kỷ luật, xác nhận liên quan đến quá trình học tập, rèn luyện; Thông tin lưu ban, học lại, bảo lưu, chuyển trường, thôi học nếu có.
 - e) Nhóm thông tin quản trị dữ liệu: Thời điểm tạo lập; Thời điểm cập nhật; Chủ thể cập nhật; Trạng thái xác thực; Trạng thái ký số; Nhật ký chỉnh sửa, khai thác, phát hành.

2. Cấu trúc trường dữ liệu, định dạng dữ liệu, quy tắc hiển thị, quy tắc mã hóa và các yêu cầu kỹ thuật chi tiết đối với học bạ số được Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

3. Chuẩn dữ liệu học bạ số phải bảo đảm:

- a) Thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn quốc;
- b) Phù hợp chuẩn định dạng mở;
- c) Khả năng kết nối, chia sẻ, tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo và các hệ thống có liên quan;
- d) Khả năng tra cứu, xác thực, trích xuất, lưu trữ lâu dài.

Chương IV

KÝ SỐ VÀ PHÁT HÀNH HỌC BẠ SỐ

Điều 8. Nguyên tắc ký số và phát hành học bạ số

1. Học bạ số chỉ được sử dụng chính thức sau khi được ký số theo quy định của Thông tư này.

2. Việc ký số học bạ số phải được thực hiện theo cơ chế ký số của cá nhân có thẩm quyền và ký số của cơ sở giáo dục.

3. Chỉ phát hành học bạ số sau khi hoàn thành việc kiểm tra, xác thực dữ liệu và ký số hợp lệ.

4. Học bạ số, bản sao điện tử, bản trích xuất điện tử phục vụ giao dịch phải có cơ chế kiểm tra, xác thực trực tuyến hoặc mã xác thực theo quy định kỹ thuật của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Ký số trên học bạ số

1. Người có thẩm quyền ký số học bạ số là giáo viên các môn học/hoạt động giáo dục, giáo viên chủ nhiệm, người đứng đầu cơ sở giáo dục hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện ký số tổ chức để xác lập trách nhiệm của đơn vị đối với học bạ số do đơn vị tạo lập, quản lý và phát hành.

3. Trình tự ký số học bạ số được thực hiện như sau:

- a) Hoàn thiện dữ liệu học bạ số;
 - b) Kiểm tra, đối chiếu, xác nhận dữ liệu;
 - c) Ký số của cá nhân có thẩm quyền;
 - d) Ký số của cơ sở giáo dục;
 - đ) Cập nhật trạng thái ký số trên hệ thống.
4. Ký số học bạ số được thực hiện đối với:

- a) Học bạ số hoàn chỉnh theo năm học;
- b) Học bạ số hoàn chỉnh tại thời điểm kết thúc cấp học hoặc chuyển trường;
- c) Bản sao điện tử, bản trích xuất điện tử từ hệ thống khi có yêu cầu hợp pháp.

5. Chữ ký số sử dụng trong học bạ số phải bảo đảm giá trị pháp lý, khả năng xác thực và kiểm tra tính hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Phát hành học bạ số

1. Phát hành học bạ số là việc đưa học bạ số đã được ký số hợp lệ vào sử dụng chính thức trên hệ thống dữ liệu của cơ sở giáo dục và hệ thống có liên quan.

2. Học bạ số được phát hành theo các hình thức sau đây:

- a) Phát hành để lưu trữ, quản lý nội bộ;
- b) Phát hành để cung cấp cho người học, cha mẹ hoặc người giám hộ;
- c) Phát hành để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, tuyển sinh, chuyển trường, xác minh thông tin học tập;
- d) Phục vụ công tác quản lý, phân tích, đánh giá, dự báo kết quả học tập, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, hoạch định kế hoạch giáo dục nhà trường;
- đ) Phát hành để đồng bộ với hệ thống dữ liệu ngành giáo dục.

3. Mỗi lần phát hành học bạ số, bản sao điện tử hoặc bản trích xuất điện tử phải được ghi nhận trên hệ thống, bao gồm: thời gian phát hành, chủ thể phát hành, mục đích phát hành, đối tượng nhận và mã xác thực.

4. Trường hợp dữ liệu học bạ số được chỉnh sửa, đính chính làm thay đổi nội dung đã phát hành, cơ sở giáo dục phải thực hiện lại việc xác thực, ký số và phát hành theo quy định.

Chương V

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG HỌC BẠ SỐ

Điều 11. Khai thác học bạ số

1. Chủ thể được khai thác học bạ số gồm:
 - a) Người học là chủ thể dữ liệu;
 - b) Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học theo quy định của pháp luật;
 - c) Cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn;
 - d) Cơ quan, tổ chức khác khi được pháp luật cho phép hoặc được sự đồng ý hợp lệ của chủ thể dữ liệu.
2. Việc khai thác học bạ số được thực hiện thông qua:
 - a) Hệ thống thông tin, phần mềm quản lý được phân quyền;

b) Công thông tin điện tử hoặc nền tảng số của cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục;

c) Nền tảng số giáo dục quốc gia;

d) Công Dịch vụ công quốc gia;

đ) Ứng dụng định danh quốc gia VNeID;

e) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Phân quyền khai thác học bạ số được thực hiện theo nguyên tắc đúng vai trò, đúng mục đích, tối thiểu cần thiết, có xác thực và có lưu vết.

4. Mức độ truy cập của từng nhóm chủ thể được quy định như sau:

a) Người học được xem toàn bộ học bạ số của bản thân, được tải bản điện tử hoặc bản sao điện tử theo quy định, được yêu cầu chỉnh sửa khi phát hiện sai sót;

b) Cha, mẹ hoặc người giám hộ của người học chưa thành niên được xem dữ liệu học bạ số của người học, theo dõi kết quả học tập, rèn luyện và đề nghị cơ sở giáo dục kiểm tra dữ liệu khi có căn cứ;

c) Cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục được truy cập dữ liệu theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ và phân quyền nội bộ;

d) Cơ quan tiếp nhận dữ liệu chỉ được truy cập phần dữ liệu cần thiết để giải quyết thủ tục hành chính hoặc công việc theo thẩm quyền;

đ) Các chủ thể khác chỉ được khai thác khi có căn cứ pháp lý hoặc sự đồng ý hợp lệ của chủ thể dữ liệu.

5. Người học đủ 18 (mười tám) tuổi thực hiện quyền khai thác dữ liệu học bạ số của mình theo quy định của pháp luật; việc cha, mẹ hoặc người giám hộ tiếp tục khai thác dữ liệu sau thời điểm này được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc theo sự đồng ý của người học.

Điều 12. Sử dụng học bạ số trong thủ tục hành chính và hoạt động giáo dục

1. Học bạ số được sử dụng trong các hoạt động sau đây:

a) Chuyển trường;

b) Tuyển sinh;

c) Xác nhận kết quả học tập;

d) Xét hoàn thành chương trình, xét lên lớp;

đ) Cấp bản sao, trích lục, xác minh thông tin học tập;

e) Phục vụ công tác quản lý giáo dục theo quy định;

g) Thực hiện thủ tục hành chính và các hoạt động nghiệp vụ khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận học bạ số có trách nhiệm kiểm tra, xác thực dữ liệu trước khi sử dụng để giải quyết công việc.

3. Khi học bạ số đã đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này, cơ quan, tổ chức tiếp nhận không được yêu cầu nộp thêm học bạ giấy.

4. Trường hợp hệ thống tiếp nhận chưa đủ điều kiện kết nối trực tuyến, cơ quan, tổ chức tiếp nhận được sử dụng bản sao điện tử hoặc bản trích xuất điện tử có mã xác thực theo quy định.

Chương VI

THU NHẬN, KẾT NỐI, CHIA SẺ VÀ LƯU GIỮ DỮ LIỆU

Điều 13. Thu nhận dữ liệu học bạ số

1. Dữ liệu học bạ số của người học được thu nhận từ các nguồn sau đây:

a) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ sở giáo dục nơi người học đang theo học hoặc đã theo học;

b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp;

c) Dữ liệu được đồng bộ, chuyển tiếp từ cơ sở giáo dục khác trong trường hợp người học chuyển trường, tiếp nhận học sinh;

d) Các nguồn dữ liệu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc thu nhận dữ liệu học bạ số phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Đúng nguồn dữ liệu, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng;

b) Dữ liệu được kiểm tra, đối chiếu, xác thực trước khi ghi nhận chính thức vào hệ thống;

c) Bảo đảm tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và khả năng truy xuất nguồn gốc của dữ liệu;

d) Có lưu vết quá trình thu nhận dữ liệu;

đ) Bảo đảm an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu nhận đầy đủ, kịp thời dữ liệu học bạ số của người học thuộc phạm vi quản lý; trường hợp người học chuyển đến từ cơ sở giáo dục khác thì phải thực hiện tiếp nhận, đối chiếu, cập nhật và đồng bộ dữ liệu để bảo đảm tính liên tục của quá trình học tập.

4. Cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm tổ chức thu nhận dữ liệu học bạ số theo phân cấp quản lý, bảo đảm khả năng tích hợp, đồng bộ với hệ thống dữ liệu ngành giáo dục và Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo.

5. Dữ liệu học bạ số chỉ được đưa vào khai thác, chia sẻ, lưu giữ chính thức sau khi hoàn thành việc thu nhận, kiểm tra, đối chiếu và xác thực theo quy định.

Điều 14. Kết nối dữ liệu học bạ số

1. Dữ liệu học bạ số phải được kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo chuẩn dữ liệu và chuẩn kỹ thuật quy định tại Thông tư này.

2. Dữ liệu học bạ số phải bảo đảm khả năng tích hợp, khai thác trên Nền tảng số giáo dục quốc gia, Công Dịch vụ công quốc gia, ứng dụng định danh quốc gia VNeID và các hệ thống thông tin có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu kỹ thuật tối thiểu đối với kết nối dữ liệu học bạ số gồm:

- a) Sử dụng chuẩn định dạng mở;
- b) Có mã định danh thống nhất;
- c) Có cơ chế xác thực, phân quyền, kiểm soát truy cập;
- d) Có khả năng lưu vết, kiểm tra tình trạng dữ liệu;
- đ) Bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình truyền, nhận, đồng bộ dữ liệu;
- e) Có khả năng đồng bộ theo thời gian thực hoặc theo chu kỳ.

4. Cấu trúc dữ liệu, chuẩn trao đổi dữ liệu, yêu cầu kết nối, đồng bộ và kiểm tra trạng thái dữ liệu học bạ số theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Chia sẻ dữ liệu

1. Việc chia sẻ dữ liệu học bạ số phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng đối tượng và chỉ chia sẻ phân dữ liệu cần thiết.

2. Chia sẻ dữ liệu học bạ số giữa cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và cơ quan, tổ chức có liên quan được thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc theo sự đồng ý hợp lệ của chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Việc chia sẻ dữ liệu học bạ số phải có cơ chế xác thực, phân quyền, ghi nhận lịch sử chia sẻ và lịch sử khai thác.

4. Cơ quan, tổ chức nhận dữ liệu học bạ số không được sử dụng dữ liệu ngoài mục đích tiếp nhận, không được chuyển giao trái phép cho bên thứ ba.

5. Trường hợp chia sẻ dữ liệu cho tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục thì phải có căn cứ pháp lý hoặc sự đồng ý hợp lệ của chủ thể dữ liệu.

Điều 16. Lưu giữ dữ liệu học bạ số

1. Dữ liệu học bạ số của người học phải được lưu giữ an toàn, đầy đủ, liên tục, có hệ thống và bảo đảm khả năng tra cứu, khai thác, xác thực trong suốt quá trình học tập của người học và sau khi người học kết thúc quá trình học tập theo quy định của pháp luật.

2. Việc lưu giữ dữ liệu học bạ số được thực hiện tại:

- a) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ sở giáo dục;
 - b) Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp;
 - c) Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.
3. Dữ liệu học bạ số phải được lưu giữ theo nguyên tắc:
- a) Bảo đảm tính toàn vẹn, tính xác thực, tính sẵn sàng và khả năng truy xuất;
 - b) Không bị mất mát, hư hỏng, sai lệch hoặc truy cập trái phép;
 - c) Có cơ chế sao lưu, phục hồi dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống;
 - d) Có lưu vết quá trình tạo lập, cập nhật, chỉnh sửa, khai thác và chia sẻ dữ liệu;
 - đ) Phù hợp với quy định của pháp luật về lưu trữ, dữ liệu, an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
4. Cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục có trách nhiệm tổ chức lưu giữ dữ liệu học bạ số thuộc phạm vi quản lý; thực hiện sao lưu định kỳ, kiểm tra tính đầy đủ, khả năng truy cập và khả năng phục hồi dữ liệu.
5. Trường hợp dữ liệu học bạ số được chỉnh sửa, đính chính theo đúng thẩm quyền thì hệ thống phải lưu giữ đồng thời dữ liệu đã được cập nhật và lịch sử thay đổi dữ liệu để phục vụ kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.
6. Việc lưu giữ dữ liệu học bạ số phải bảo đảm kết nối, đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật.

Chương VII

BẢO MẬT VÀ AN TOÀN DỮ LIỆU

Điều 17. Bảo mật dữ liệu

- 1. Dữ liệu học bạ số phải được bảo mật trong toàn bộ quá trình tạo lập, cập nhật, lưu trữ, truyền nhận, khai thác, sử dụng và chia sẻ.
- 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm:
 - a) Bảo mật tài khoản truy cập, phương tiện xác thực và chữ ký số;
 - b) Thực hiện phân quyền truy cập theo vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao;
 - c) Có biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi truy cập trái phép, làm sai lệch, hủy hoại hoặc tiết lộ dữ liệu;
 - d) Thực hiện sao lưu, phục hồi dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục của hệ thống;
 - đ) Thông báo, phối hợp xử lý sự cố an toàn thông tin theo quy định.

3. Nghiêm cấm các hành vi:

- a) Truy cập trái phép vào hệ thống học bạ số;
- b) Sửa, xóa, làm sai lệch dữ liệu học bạ số trái quy định;
- c) Tiết lộ, chia sẻ, mua bán, sử dụng trái phép dữ liệu học bạ số;
- d) Giả mạo chữ ký số, mã xác thực, bản sao điện tử hoặc bản trích xuất điện tử.

Điều 18. Quyền của người học

1. Được biết về việc tạo lập, cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu học bạ số của mình.
2. Được truy cập, tra cứu, khai thác học bạ số của bản thân theo quy định.
3. Được yêu cầu cơ sở giáo dục kiểm tra, chỉnh sửa dữ liệu học bạ số khi phát hiện sai sót.
4. Được sử dụng học bạ số hợp pháp của mình trong các giao dịch, thủ tục hành chính và hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
5. Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp liên quan đến dữ liệu cá nhân trong học bạ số.
6. Được biết kết quả giải quyết yêu cầu chỉnh sửa dữ liệu học bạ số theo quy định tại Thông tư này.

Chương VIII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Điều 19. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Ban hành, hướng dẫn thực hiện và tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này.
2. Quy định, cập nhật và công bố chuẩn dữ liệu học bạ số, biểu mẫu, cấu trúc dữ liệu, chuẩn hiển thị, chuẩn kết nối và các yêu cầu kỹ thuật quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.
3. Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành hoặc chỉ đạo vận hành hệ thống dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác học bạ số.
4. Tổ chức kết nối, đồng bộ dữ liệu học bạ số với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo và các hệ thống có liên quan.
5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ kỹ thuật cho cơ quan quản lý giáo dục và cơ sở giáo dục.
6. Kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm trong việc quản lý và sử dụng học bạ số theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Tổ chức triển khai Thông tư này trên địa bàn quản lý.
2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ sở giáo dục trong việc tạo lập, cập nhật, ký số, phát hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và bảo vệ dữ liệu học bạ số.
3. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức bảo đảm điều kiện kỹ thuật, an toàn thông tin và hỗ trợ triển khai học bạ số tại địa phương.
4. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Điều 21. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Tổ chức thực hiện việc tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, kiểm tra, xác thực, ký số, phát hành, lưu trữ, khai thác và sử dụng học bạ số theo quy định của Thông tư này.
2. Bảo đảm dữ liệu học bạ số của người học được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời, thống nhất với hồ sơ quản lý người học và quy định chuyên môn.
3. Phân công cá nhân, bộ phận chịu trách nhiệm nhập liệu, kiểm tra, đối soát, xác nhận, ký số, phát hành, quản trị, khai thác và bảo vệ dữ liệu học bạ số.
4. Tổ chức kiểm tra, đối chiếu dữ liệu trước khi ký số và phát hành học bạ số; thực hiện việc chỉnh sửa, đính chính dữ liệu theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; bảo đảm lưu vết đầy đủ trên hệ thống.
5. Tổ chức quản lý, lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu học bạ số; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin và các điều kiện cần thiết để vận hành hệ thống học bạ số.
6. Ban hành hoặc tổ chức thực hiện quy chế nội bộ về phân công trách nhiệm, phân quyền khai thác, sử dụng hệ thống học bạ số tại đơn vị.
7. Hướng dẫn người học, cha mẹ hoặc người giám hộ tra cứu, khai thác, sử dụng học bạ số theo quy định.
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý cấp trên về tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ và an toàn của dữ liệu học bạ số do đơn vị mình tạo lập, quản lý, phát hành và khai thác.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Giáo viên, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ cập nhật, xác nhận dữ liệu học bạ số phải thực hiện đúng quy định, chịu trách nhiệm về nội dung do mình cập nhật, xác nhận.
2. Cá nhân được giao quản trị hệ thống học bạ số phải bảo đảm vận hành hệ thống đúng quy định, bảo mật thông tin, lưu vết đầy đủ các thao tác quản trị.
3. Đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ, dịch vụ kỹ thuật phục vụ học bạ số có trách nhiệm bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu theo hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức tiếp nhận dữ liệu học bạ số có trách nhiệm khai thác, sử dụng đúng mục đích, đúng thẩm quyền, không làm lộ lọt hoặc sử dụng trái phép dữ liệu.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Học bạ giấy đã được lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực, cơ sở giáo dục thực hiện tạo lập học bạ số đối với người học đang theo học và người học tuyển mới theo quy định tại Thông tư này.

3. Học bạ số đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư này được sử dụng thay thế học bạ giấy ngay.

4. Trong thời gian hệ thống tiếp nhận dữ liệu chưa đủ điều kiện kỹ thuật để khai thác trực tuyến, cơ sở giáo dục được sử dụng bản sao điện tử hoặc bản trích xuất điện tử có mã xác thực theo quy định của Thông tư này.

5. Việc số hóa, chuẩn hóa và cập nhật dữ liệu học bạ giấy, dữ liệu học tập hiện có để tạo lập học bạ số được thực hiện theo lộ trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, ưu tiên đối với người học đang theo học và trường hợp thường xuyên phát sinh thủ tục hành chính.

6. Cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và các chủ thể có liên quan có trách nhiệm hoàn thành việc chuẩn bị điều kiện triển khai, bảo đảm phù hợp với lộ trình tạo lập dữ liệu hồ sơ học tập suốt đời của người học theo quy định của Nghị định số 88/2026/NĐ-CP